TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 37/2021/HNG§-ST
Ngµy: 09-8-2021
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Giáp H Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

**** Bị đơn:*** *Ông Lương Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà và ông Lương văn L chung sống với nhau như vợ cH tại thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa từ năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định cũng không làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, ban đầu bà và ông L hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được hai người con chung. Từ năm 2014 vợ cH phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L hay chửi bới đánh đập bà vô cớ. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông L sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà xác định bà

và ông L không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ cH.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Lương Văn Ninh, sinh ngày 09/5/1989 và Lương Văn Hải, sinh ngày 22/8/1994, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với ông Lương Văn L là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án ông L đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho ông L về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng ông L không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay ông Lương Văn L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông L chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ cH giữa bà Phạm Thị H và ông Lương Văn L.

Về án phí, quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa bà H và ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông L.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị H và ông Lương Văn L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Hòa. Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông L sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L hay chửi và đánh bà H vô cớ, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông L không thay đổi. Bà H và ông L sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bà H xác định bà và ông L không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Mặt khác, qua xác minh ở địa phương thì xác định bà H và ông L chung sống với nhau như vợ cH từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà H, ông L có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và đánh nhau, đến năm 2017 thì bà H, ông L sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Việc bà H, ông L sống với nhau như vợ cH từ năm 1988 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, bà H có đơn yêu cầu giải quyết thì xác định không công nhận bà H, ông L là vợ cH. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận vợ cH giữa bà H và ông L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình

* Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung là Lương Văn Ninh, sinh ngày 09/5/1989 và Lương Văn Hải, sinh ngày 22/8/1994, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ cH giữa bà Phạm Thị H và ông Lương Văn L.

[2] Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung là Lương Văn Ninh, sinh ngày 09/5/1989 và Lương Văn Hải, sinh ngày 22/8/1994, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000310 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Phúc Hòa;
- Các đương sự;
- L hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 8 năm 2021.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Giáp H Thanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

**** Nguyên đơn:*** *Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

**** Bị đơn:*** *Ông Lương Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1]. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ cH giữa bà Phạm Thị H và ông Lương Văn L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[3] Về con chung:

Bà H xác định có 02 con chung là Lương Văn Ninh, sinh ngày 09/5/1989 và Lương Văn Hải, sinh ngày 22/8/1994, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành, bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[5] Án phí:

Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000310 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[6] Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân